

Bản án số: 824/2025/DS-PT

Ngày: 03/12/2025

V/v tranh chấp: "Hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Phong
Ông Trần Văn Kiến.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 512/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2025/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1223/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là xã H, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 2003 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị R, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

3.2. Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Tấn S - Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là xã H, tỉnh Đồng Tháp).

(UBND xã H Có văn bản xin xét xử vắng mặt đề ngày 11/11/2025).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Hùng D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 08/8/2024 và tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hùng D trình bày:

Ông D có thửa đất số 1696, tờ bản đồ HQC2, diện tích 241,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS 01826, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp vào ngày 24/3/2020. Ông D với bà R là em chồng và chị dâu có thương lượng cho cháu ngoại bà R là Nguyễn Thị Thùy L phần đất để cất nhà ở, bà R sẽ cho ông D 01 cây vàng 24k trả thành quả lao động lại cho ông D. Ông D đồng ý nhưng với điều kiện là chị L chỉ được ở không được bán đất.

Vào ngày 07/3/2024, ông D với chị Nguyễn Thị Thùy L đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1696, tờ bản đồ HQC2, diện tích 241,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Trị giá trong hợp đồng tạm tính là 58.000.000 đồng. Hiện nay chị L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 29/5/2024, ông D có liên hệ với chị L và yêu cầu thanh toán một ít tiền vì chị L đã được cấp giấy chủ quyền đất nhưng chị L không đồng ý thanh toán, lớn tiếng nặng lời, dùng những lời lẽ không hay thách thức khởi kiện. Thửa đất này ông D tặng cho bà Nguyễn Thị Kim L1 (mẹ ruột của chị L), nhưng bà L1 yêu cầu cho chị Nguyễn Thị Thùy L đứng tên chủ quyền đất với điều kiện chỉ được ở mà không được bán. Ông D đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất xong cho chị L nhưng chưa giao đất và chị L cũng chưa giao tiền.

Nay ông D yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/3/2024 đã ký kết giữa ông với chị Nguyễn Thị Thùy L đối với thửa đất số 1696, tờ bản đồ HQC2, diện tích 241,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Vào ngày 07/3/2024 giữa chị L với ông Nguyễn Hùng D đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất số 1696, tờ bản đồ HQC2, diện tích 241,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang với giá nhận chuyển nhượng là 58.000.000 đồng. Đối với giá chuyển nhượng 58.000.000 đồng do chị L đọc lướt qua hợp đồng nên không biết và cũng không thấy.

Đến ngày 22/5/2024, thì chị L được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CN04227.

Ngày 30/5/2024 ông Nguyễn Hùng D thông báo cho chị L biết đã có giấy chủ quyền đất rồi, hiện do ông D đang giữ ở nhà, ông D yêu cầu chị L đưa 10.000.000 đồng vào ngày hôm sau thì ông D mới đồng ý đưa chủ quyền đất cho chị L, còn không đưa tiền thì thôi. Vào ngày 01/6/2024, chị L có đem 10.000.000 đồng gặp ông D thì ông D yêu cầu chị L ký cam kết vì ông D sợ gia đình chị L không đưa tiền tiếp. Chị L không đồng ý ký cam kết và đem tiền về. Chị không có lớn tiếng nặng lời, dùng những lời lẽ không hay thách thức ông D khởi kiện. Thực tế chị chưa giao tiền cho ông D và ông D cũng chưa bàn giao đất cho chị quản lý sử dụng.

Nay chị L không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông D là hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/3/2024 đã ký kết giữa ông Nguyễn Hùng D với chị đối với thửa đất số 1696, tờ bản đồ HQC2, diện tích 241,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang với lý do phần đất này là của ông bà để lại và hiện tại trên đất có ngôi mộ của ông ngoại chị L (tên Nguyễn Quang T) nên chị L yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Chị L đồng ý giao ông D số tiền 58.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng trong thời gian 04 tháng tính từ ngày ông D rút đơn kiện không tranh chấp nữa.

Tại bản tự khai ngày 19/11/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Trần Thị R trình bày:

Bà R là bà ngoại của Nguyễn Thị Thùy L và là chị dâu của ông D. Trước đây ba chồng bà R là cụ Nguyễn Văn T1 (chết đã lâu) có nói miệng là cho phần diện tích đất có chiều ngang 10m, chiều dài 200m cho Nguyễn Thị Kim L1 là mẹ của L (không có làm giấy tờ, cũng chưa có sang tên). Phần đất này ông D đã nhận thừa kế của ông T1, nên đầu năm 2024 ông D mới có ý cho Nguyễn Thị Kim L1 phần diện tích đất đã ký hợp đồng trên nhưng chuyển thẳng sang cho Nguyễn Thị Thùy L đứng tên.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông D thì bà R không có ý kiến, việc đó là của ông D và L tự giải quyết.

Tại Công văn số 420/UBND-ĐC ngày 05/6/2025 của Ủy ban nhân dân xã H xác định:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/3/2024 đã ký kết giữa ông Nguyễn Hùng D với chị Nguyễn Thị Thùy L được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, do đó Ủy ban nhân dân xã H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã H xin được vắng mặt xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hùng D yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/3/2024 đã ký kết giữa ông Nguyễn Hùng D với chị Nguyễn Thị Thùy L đối với thửa đất số 1696, tờ bản đồ HQC2, diện tích 241,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang; số chứng thực số 61, quyền số 01/2024-SCT/HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Bị đơn Nguyễn Thị Thùy L không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên; đồng ý giao trả cho ông D số tiền 58.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng khi án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ tháng 6/2024 đến nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2025/DS-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp) đã quyết định:

- Áp dụng các Điều 116, 117, 118, 119, 274, 275, 208, 500, 501, 502, 503, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các Điều 26, 27, 28, 236 của Luật Đất đai;
- Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng D yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/3/2024 đã ký kết giữa ông Nguyễn Hùng D với chị Nguyễn Thị Thùy L đối với thửa đất số 1696, tờ bản đồ HQC2, diện tích 241,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Số chứng thực số 61, quyền số 01/2024-SCT/HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thùy L tự nguyện trả cho ông Nguyễn Hùng D số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 58.000.000 đồng và 5.776.800 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 63.776.800 đồng (Sáu mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, tám trăm đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Hùng D có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Nguyễn Thị Thùy L chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Đến ngày 23/6/2025, nguyên đơn Nguyễn Hùng D kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký kết giữa ông Nguyễn Hùng D với chị Nguyễn Thị Thùy L ngày 07/3/2024, số chứng thực số 61, quyển số 01/2024-SCT/HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang đối với thửa đất số 1696, tờ bản đồ HQC2, diện tích 241,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông Nguyễn Hùng D kháng cáo nhưng không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Ông Nguyễn Hùng D nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo đúng quy định pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hùng D, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Ngày 07/3/2024, ông Nguyễn Hùng D đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chị Nguyễn Thị Thùy L đối với thửa đất số 1696, tờ bản đồ HQC2, diện tích 241,6m², loại đất trồng cây lâu năm tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 142578, sổ vào sổ cấp GCN: CS01826 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp vào ngày 24/3/2020 với giá chuyển nhượng là 58.000.000 đồng. Ngày 22/5/2024 chị Nguyễn Thị Thùy L đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 422057, sổ vào sổ cấp GCN: CN04227 với số thửa 1696, tờ bản đồ số 8, diện tích 241,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Xét thấy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký kết ngày 07/3/2024 giữa ông Nguyễn Hùng D với chị Nguyễn Thị Thùy L nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Khi ký kết hợp đồng các bên có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ, việc ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng phù hợp với Điều 501 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Ông D cho rằng ông chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị L với điều kiện là chị L chỉ được ở mà không được bán, nay do chị L muốn chuyển nhượng cho người khác nên ông yêu cầu hủy hợp đồng. Xét thấy trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông D và chị L không có quy định về điều kiện này nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Bên cạnh đó, tại Điều 2 của hợp đồng nói trên có thể hiện nội dung: “Việc thanh toán tiền do hai bên tự thực hiện”, nên việc chị L chưa thanh toán tiền cho ông D cũng như việc ông D chưa giao đất cho chị L là không vi phạm hợp đồng và cũng không phải là căn cứ để hủy hợp đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L đồng ý giao trả cho ông D số tiền 58.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng khi án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ tháng 6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.776.800 đồng, tổng cộng là 63.776.800 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này của chị L là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L vẫn giữ nguyên sự tự nguyện này. Đối với việc ông D chưa giao đất cho chị L thì Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do chị L không có yêu cầu phản tố nên chưa xem xét, nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết và chị L cũng không có kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên và vì ông D kháng cáo nhưng không cung cấp, bổ sung được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông D, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Xét thấy quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Hùng D không được chấp nhận nên ông D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông D được miễn tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hùng D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2025/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp).

2. Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 120, 274, 275, 278, 500, 501, 502, 503, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 26, 27, 28, 236 của Luật đất đai;

Căn cứ các Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng D yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/3/2024 đã ký kết giữa ông Nguyễn Hùng D với chị Nguyễn Thị Thùy L đối với thửa đất số 1696, tờ bản đồ HQC2, diện tích 241,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Sổ chứng thực số 61, quyển số 01/2024-SCT/HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thùy L tự nguyện trả cho ông Nguyễn Hùng D số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 58.000.000 đồng và 5.776.800 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 63.776.800 đồng (Sáu mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, tám trăm đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Hùng D có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Nguyễn Thị Thùy L chậm trả

tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hùng D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND KV 3 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 3 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tuấn Anh